

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 14 – 4 – 2022  
V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi  
con giữa bà T với ông T”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hân.

2. Ông Lê Quốc Dũng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 476/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: 660/6, khóm Tây Khánh 5, phường Mh, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Trung N, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: 204/40, tổ 18, khóm Tây Khánh 4, phường Mh, thành phố L, tỉnh An Giang.

**NHẬN THẤY:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm T trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng ông bà quen biết, tìm hiểu, rồi tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mh, thành phố L, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 70, ngày 12/4/2019 của Ủy ban nhân dân phường Mh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn bà xin được ly hôn với ông N.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn An Nhiên, sinh ngày 05/3/2019. Hiện con chung đang do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Trung N vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn An Nhiên, sinh ngày 05/3/2019. Hiện cháu Nhiên đang sống chung với bà T, nhằm tạo điều kiện ổn định cuộc sống tốt nhất cho cháu đề nghị giao cháu Nhiên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng do cháu còn nhỏ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu đề nghị ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nhiên theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của bà T; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh của cháu Nhiên; Biên bản xác minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, nuôi con, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, cùng các văn bản tố tụng khác đúng quy định, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông N chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mh, thành phố L, tỉnh An Giang, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông N với lý do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông N nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, ông biết được bà T yêu cầu ly hôn ông nhưng ông không trình bày ý kiến.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án mở các phiên hòa giải để hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng ông N vắng mặt không lý do, bỏ mặc cho bà T tự giải quyết, không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mỗi quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng chung tay nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy,

sống chung với nhau, nhưng ông bà đã không còn sống chung với nhau, ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn An Nhiên, sinh ngày 05/3/2019. Hiện cháu Nhiên đang sống chung với bà T. Cháu Nhiên đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Xét, từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay bà T là người trực tiếp nuôi cháu Nhiên, ông N không cùng bà T chăm sóc nuôi dạy cháu, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nhiên cho bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Cẩm T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Huỳnh Trung N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhiên.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Nhưng theo đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát do cháu Nhiên còn nhỏ nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu đề nghị ông N cấp dưỡng nuôi cháu theo quy định pháp luật.

Xét, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”. Như vậy, theo quy định này thì Tòa án chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của đương sự. Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2021, các lần hòa giải và tại đơn xin xét xử vắng mặt bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Cẩm T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000693 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Cẩm T. Bà Nguyễn Cẩm T được ly hôn ông Huỳnh Trung N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70, ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân phường Mh, thành phố L, tỉnh An Giang, cấp cho bà Nguyễn Cẩm T và ông Huỳnh Trung N không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Bà Nguyễn Cẩm T và ông Huỳnh Trung N có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn An Nhiên, sinh ngày 05/3/2019, hiện cháu Nhiên đang chung sống với bà T.

2.2. Giao cháu Huỳnh Nguyễn An Nhiên, sinh ngày 05/3/2019 cho bà Nguyễn Cẩm T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Nguyễn Cẩm T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Huỳnh Trung N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhiên.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Cẩm T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000693 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPL;
- UBND phường Mh, L;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**